

Số: 12/2025/QĐST-DS

Tây Ninh, ngày 12 tháng 8 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Áp dụng Điều 74 Luật Thi hành án dân sự, được sửa đổi, bổ sung năm 2014;
Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy
ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử
dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Biên bản hòa giải thành ngày 24 tháng 7 năm 2025 về việc các
đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số
193/2023/TLST-DS ngày 12 tháng 7 năm 2023.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc
giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không
vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương
sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1969. Địa chỉ cư trú: Ấp L, xã M,
huyện C, tỉnh Long An (nay là xã M, tỉnh Tây Ninh).

- *Bị đơn*:

- Bà Trần Thị L, sinh năm 1958;
- Ông Đặng Minh T, sinh năm 1953;
- Chị Đặng Bích T1, sinh năm 1993.

Cùng địa chỉ cư trú: Khu phố K, thị trấn C, huyện C, tỉnh Long An (nay là xã C,
tỉnh Tây Ninh).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

- Ông Trang Út H, sinh năm 1964.
- Bà Phạm Thị N, sinh năm 1960.

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Long An (nay là xã T, tỉnh Tây
Ninh).

3. Bà Trần Thị Thu H1, sinh năm 1962. Địa chỉ cư trú: Khu phố H, thị trấn C, huyện C, tỉnh Long An (nay là xã C, tỉnh Tây Ninh).

4. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 7, tỉnh Tây Ninh).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng: Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Xác định bà Trần Thị L là người có quyền sử dụng đối với $\frac{1}{2}$ quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất do Ủy ban nhân dân huyện C (trước sáp nhập) cấp cho bà Trần Thị L và bà Đặng Bích T1 vào ngày 31/12/2010 đối với thửa đất 341, tờ bản đồ số 33 (cũ), loại đất ở tại nông thôn, đất tại thị trấn C, huyện C, tỉnh Long An (nay là xã C, tỉnh Tây Ninh); bà Đặng Bích T1 là người có quyền sử dụng đối với $\frac{1}{2}$ quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất do Ủy ban nhân dân huyện C (trước sáp nhập) cấp cho bà Trần Thị L và bà Đặng Bích T1 vào ngày 31/12/2010 đối với thửa đất 341, tờ bản đồ số 33 (cũ), loại đất ở tại nông thôn, đất tại thị trấn C, huyện C, tỉnh Long An (nay là xã C, tỉnh Tây Ninh).

2.2. Về chi phí tố tụng gồm chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạc và định giá với số tiền 4.500.000đ (bốn triệu năm trăm nghìn đồng): Ông Nguyễn Văn Đ tự nguyện chịu và đã nộp xong.

2.3. Về án phí: Ông Nguyễn Văn Đ tự nguyện chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm, khấu trừ 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0012268 ngày 11/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 7, tỉnh Tây Ninh), ông Đ đã nộp xong.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND khu vực 7;
- THADS tỉnh Tây Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thanh Tuyền